

Số: /BC-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

Ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2025 - 2026 của Ban Văn hóa-Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tiếp thu giải trình Báo cáo số 238/BC-HĐND ngày 05/12/2025 thẩm tra của Ban Văn hóa-Xã hội HĐND Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2025 - 2026 kèm theo Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản; vấn đề còn có ý kiến khác nhau

*** Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến:**

Dự thảo Nghị quyết đã xác định phạm vi và đối tượng áp dụng (tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết) cơ bản phù hợp với quy định Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP¹. Tuy nhiên, đối tượng áp dụng tại điểm a, b

¹ Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản

1. Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn bản.

2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.

khoản 2 Điều 1 chưa đảm bảo theo quy định. Cụ thể:

- Điểm a chỉ mới quy định đối tượng áp dụng là “**Học sinh**” mà chưa có đối tượng là *trẻ em mầm non, người học chương trình giáo dục phổ thông*; điểm b chưa đề cập đến *cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông* là chưa đảm bảo với đối tượng điều chỉnh của Nghị định 238/2025/NĐ-CP; đồng thời cũng chưa đồng bộ với nội dung báo cáo đánh giá tác động chính sách của Sở Giáo dục và Đào tạo tại báo cáo số 264/BC-SGDĐT ngày 14/10/2025².

Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ và bổ sung đối tượng áp dụng trong Nghị quyết.

*** Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa, cụ thể:**

“2. Đối tượng áp dụng

a) *Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

b) *Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

c) *Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”*

II. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản

1. Căn cứ ban hành Nghị quyết:

*** Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến:**

- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét sự cần thiết phải căn cứ “Luật Giáo dục số 43/2019/QH14” và “Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục” vì các văn bản quy phạm pháp luật này không quy định những nội dung liên quan đến việc hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Dự thảo nghị quyết có căn cứ ban hành là “Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15”, tuy nhiên Luật này sẽ hết hiệu lực khi Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét điều chỉnh nhằm bảo đảm **tính ổn định, bền vững** của nghị quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa cụ thể:

3. Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì phải nêu đầy đủ trong phần quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.

² Dự kiến có 50 cơ sở giáo dục dân lập, tư thục với 9.243 học sinh được hỗ trợ học phí, trong đó có 03 trung tâm khuyết tật với 307 học sinh (số liệu năm học 2025-2026).

- Thống nhất bỏ căn cứ “Luật Giáo dục số 43/2019/QH14” và “Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục”.

- Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết này, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị giữ nguyên căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15”, bởi vì, theo quy định Nghị quyết này được áp dụng sau 10 kể từ ngày khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội và dự toán được giao năm 2025.

2. Mức hỗ trợ học phí tại Điều 2:

a) Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo nghị quyết:

*** Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến**

- Cơ quan soạn thảo trình bày “*Mức hỗ trợ được xác định bằng 100% mức học phí được quy định cho từng cấp học đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên*” là chưa phù hợp với quy định tại khoản tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP³. Đồng thời, để thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định **mức học phí** đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*trình tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025*) và đảm bảo tính linh hoạt, ổn định, thuận lợi trong triển khai thực hiện của nghị quyết, đề nghị nghiên cứu biên tập Khoản 1 Điều 2 thành “*Mức hỗ trợ được xác định bằng 100% mức học phí hiện hành cho từng cấp học do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên cùng địa bàn*”.

- Xem xét không quy định nội dung “*Trường hợp mức học phí theo quy định của tỉnh Quảng Ngãi cao hơn mức học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ được tính bằng 100% mức học phí của các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đó.*” vì nội dung này đã được quy định tại khoản 7, Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, và không phù hợp với thực tế (*thông thường mức học phí khu vực công lập sẽ thấp hơn mức học phí của khu vực dân lập, tư thục*).

*** Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa như sau:**

- Điều chỉnh Khoản 1 Điều 2 thành “*Mức hỗ trợ được xác định bằng 100% mức học phí hiện hành cho từng cấp học do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên cùng địa bàn*”.

- Đồng thời bỏ nội dung “*Trường hợp mức học phí theo quy định của tỉnh Quảng Ngãi cao hơn mức học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ được tính bằng 100% mức học phí của các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đó.*” Của Khoản 1 Điều 2.

³ Khung học phí là căn cứ để xác định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và mức ngân sách nhà nước cấp bù **cơ sở giáo dục công lập** khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông.

b) Tại khoản 2 Điều 2:

*** Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến**

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét biên tập nội dung khoản 2 Điều 2 phù hợp với tiêu đề của Điều 2 về “*Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục*”. Đồng thời, điều chỉnh cụm từ “*Mức hỗ trợ thu học phí*” thành “*Mức hỗ trợ học phí*”.

*** Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa, cụ thể:**

“2. Quy định mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến (Online)

Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến (Online) bằng 75% mức hỗ trợ học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Mức hỗ trợ học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức hỗ trợ học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng).”

*** Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến**

c) Thực tế hiện nay hầu như các trường mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh đều thực hiện việc dạy học xuyên suốt cả năm, thay vì nghỉ hè 3 tháng như các trường công lập. Vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung vào Điều 2 nội dung “*Kinh phí hỗ trợ học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học*” để phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP⁴, đảm bảo chặt chẽ, rõ ràng trong quá trình triển khai thực hiện. Tương tự, đề nghị bổ sung điều khoản về thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ học phí trong trường hợp xảy ra **tình trạng khẩn cấp** để đảm bảo tính đồng bộ trong chính sách hỗ trợ học phí.

*** Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bổ sung, cụ thể:**

“1. Mức hỗ trợ được xác định bằng 100% mức học phí hiện hành cho từng cấp học do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên cùng địa bàn.

Kinh phí hỗ trợ học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học.

2. Quy định mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến (Online)

Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến (Online) bằng 75% mức hỗ trợ học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Mức hỗ trợ học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức hỗ trợ học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng).

⁴ 9. Kinh phí cấp bù miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông và theo thời gian học thực tế nhưng không quá 10 tháng/năm học đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và thực hiện chi trả cho người học 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

3. Trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật thì mức hỗ trợ học phí được tính theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học bù tại trường) với mức hỗ trợ bằng 100% mức học phí hiện hành cho từng cấp học do Hội đồng nhân dân ban hành đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên cùng địa bàn.”

3. Khoản 3 Điều 4 (Tổ chức thực hiện)

*** Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh có với ý kiến**

Trong nội dung dự thảo nghị quyết không vi phạm dẫn văn bản cụ thể nào, vì vậy, đề nghị xem xét không quy định nội dung tại khoản 3 Điều 4 dự thảo nghị quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bỏ nội dung khoản 3 Điều 4.

4. Điều 5 (Hiệu lực thi hành)

*** Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến**

Tại Công văn số 134/HĐND-VHXXH ngày 20/10/2025 thông báo ý kiến kết luận của Thường trực HĐND tỉnh “V/v xây dựng Nghị quyết quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”, trong đó đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo khẩn trương xây dựng và trình HĐND tỉnh đồng thời nghị quyết về mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết đảm bảo cùng với thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết quy định mức học phí cũng được trình trong kỳ họp thường lệ năm 2025; đồng thời xác định thời điểm áp dụng Nghị quyết để đảm bảo đúng với Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội⁵.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và kính trình: Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho áp dụng cùng thời điểm với Nghị quyết quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

“Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và áp dụng từ năm học 2025 - 2026.”

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban VHXXH-HĐND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư pháp (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TC_{TC}H.

Nguyễn Ngọc Thái

⁵ Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua và áp dụng từ năm học 2025 - 2026.

